TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2024
V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Bà Vũ Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 358/TB-TA ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 412/TB-TA ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Y - sinh năm 1987

Nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Bị đơn: Hoàng Lâm S - sinh năm 1990

Nơi ĐKTT: xóm Q, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; tạm trú tại: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Nông Thị Tuyết M; địa chỉ: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3.2. Phan Ngọc Q; địa chỉ: tổ D, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3.3. Tạ Minh T; địa chỉ: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà và ông Hoàng Lâm S xây dựng gia đình vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ảnh hưởng đến tâm lý của các con và hàng xóm xung quanh, nguyên nhân chính do ông S không tu trí làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi bới vợ con và không giúp đỡ bà trong việc nuôi dạy con cái. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn có xảy ra xô xát nhưng thương tích không đáng kể nên bà không yêu cầu giám định. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên, hàng xóm, bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay nên bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được và có nguyện vọng được ly hôn với ông Hoàng Lâm S.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Hoàng Lâm Vy D, sinh ngày 09/8/2016 (giới tính: Nữ) và Hoàng Lâm T1, sinh ngày 05/5/2020 (Giới tính: Nam). Sau khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông S sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hoàng Lâm S xác nhận: Về điều kiện, thời gian kết hôn và mâu thuẫn của vợ chồng đúng như nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày. Ông thừa nhận quá trình chung sống thường xuyên uống rượu, không tập trung làm ăn đã ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 7 năm 2023, do không chung sống cùng vợ con nên bản thân ông buồn chán dẫn đến việc hay sử dụng rượu, bia không làm chủ được bản thân. Nếu vợ chồng đoàn tụ ông cam kết sẽ thay đổi bản thân để cùng vợ nuôi dạy con cái, do đó ông không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: ông xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung như bà Y trình bày, trường hợp ly hôn ông nhất trí để bà Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả 02 con đến tuổi trưởng thành, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 22/4/2024 cháu Hoàng Lâm Vy D trình bày: trong thời gian chung sống cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi nhau nhưng cháu không biết nguyên nhân. Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ vì thường ngày mẹ quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn.

Biên bản xác minh ngày 14/5/2024 bà Nông Thị Tuyết M trình bày: gia đình bà Nguyễn Thị Y, ông Hoàng Lâm S chuyển về tổ C, phường H thuê trọ đối diện nhà bà từ năm 2020. Kể từ đó bà thường xuyên thấy ông S tụ tập bạn bè uống rượu từ sáng đến chiều, có nhiều ngày uống rượu đến đêm muộn đã gây ra tiếng ồn ào ảnh hưởng đến những gia đình sống xung quanh. Ông S thường

xuyên trong tình trạng say xỉn không làm chủ được bản thân nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài từ năm 2020 đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2024 bà Phan Ngọc Q, bà Tạ Minh T đều trình bày: năm 2020 thuê trọ cùng dãy với phòng trọ của bà Nguyễn Thị Y đã chứng kiến việc ông Hoàng Lâm S là chồng của bà Y thường xuyên tụ tập bạn bè sử dụng rượu bia và luôn trong tình trạng say rượu không làm chủ được bản thân. Ngoài ra bà Q trình bày thêm nội dung: sau khi chuyển đổi nơi cư trú thỉnh thoảng bà có gặp ông S vẫn trong tình trạng say rượu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Lâm S, tuy nhiên rút lại yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Lâm S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông S là hợp pháp. Quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên uống rượu, không tập trung làm ăn. Bà Y và ông S đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, bà Y xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông S, về phía ông S vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con. Tuy nhiên, trong quá trình ly thân ông S không có hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Y mà còn cho rằng bản thân buồn chán và tiếp tục sử dụng rượu bia. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải ông S vẫn tiếp tục sử dụng rượu bia vì cho rằng đặc điểm công việc phải giao lưu, uống rượu bia mới có công việc là không có căn cứ. Về con chung, bà Y và ông S thỏa thuận trong trường hợp ly hôn, để đảm bảo đời sống cho các con được ổn định thì việc giao cả hai con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện của bà Y, ông S và nguyện vọng của cháu Hoàng Lâm Vy D. Tại phiên toà bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Hoàng Lâm S hiện nay đang tạm trú tại tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và các thông báo mở lại phiên toà nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Lâm S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông S là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Y và ông S đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ảnh hưởng đến tâm lý của các con và hàng xóm xung quanh mà nguyên nhân chính do ông S không tu trí làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi bới vợ con và không giúp đỡ bà Y trong việc nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên, hàng xóm, bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023.

Sau khi ly thân ông S vẫn không tu trí làm ăn mà vẫn tiếp tục rượu chè và thường xuyên trong tình trạng không làm chủ được bản thân. Ông S cho rằng lý do ông luôn trong tình trạng say rượu là do vợ ly thân làm ông buồn chán nên thường xuyên sử dụng rượu bia. Bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà Y và mong muốn được đoàn tụ và cam kết sẽ thay đổi bản thân để cùng vợ nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải lần thứ 2, ông S thừa nhận vẫn tiếp tục sử dụng rượi bia như trước vì đặc điểm công việc phải giao lưu, uống rượu bia thì mới có công việc.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải, mặc dù ông S không nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà Y do bản thân ông vẫn còn tình cảm, mong muốn được đoàn tụ nhưng vẫn không tự thay đổi bản thân như đã cam đoan và cũng không có hành vi nào thể hiện mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với bà Y. Sau khi thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và thông báo mở lại phiên toà nhưng ông S đã không đến phiên tòa để trình bày mong muốn được hòa giải đoàn tụ nhằm cứu vãn cuộc hôn nhân của ông với bà Y.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống ông S đã không giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với bà Y. Từ khi sống ly thân ông S và bà Y đã không còn quan tâm lẫn nhau là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Lâm S có 02 con chung là Hoàng Lâm Vy D, sinh ngày 09/8/2016 (giới tính: Nữ) và Hoàng Lâm T1, sinh ngày 05/5/2020 (Giới tính: Nam).

Tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2024 bà Nguyễn Thị Y và ông Hoàng Lâm S thỏa thuận: sau khi ly hôn bà Y sẽ có trách nhiệm nuôi cả 02 con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và ông S sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/cháu, tuy nhiên, tại phiên toà bà Nguyễn Thị Y rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của bà Y và ông S về con chung là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Lâm Vy D nên cần được công nhận. Việc bà Y rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận là hoàn toàn tự nguyện và không không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được ghi nhận.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc ly hôn với ông Hoàng Lâm S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Hoàng Lâm S

1.2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Hoàng Lâm Vy D, sinh ngày 09/8/2016 (giới tính: Nữ) và Hoàng Lâm T1, sinh ngày 05/5/2020 (Giới tính: N) đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Hoàng Lâm S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000929 ngày 02/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền